

Số: 28/QĐ-HPV

Nam Gia Nghĩa, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

“Về việc công bố công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường mầm non Hoa Phượng Vàng ”

Căn cứ Quyết định số 04/VBHN-BGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường mầm non.

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.

Xét đề nghị của các bộ phận.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai 03 công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT của trường mầm non Hoa Phượng Vàng (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 03/10/2025.

Điều 3. Tổ chuyên môn, bộ phận cơ sở vật chất và các bộ phận liên quan thuộc và trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Đơn vị cấp trên;
- Nhà trường;
- Lưu :VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Nguyên

**CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC
THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN
NĂM HỌC 2025-2026**

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường mầm non Hoa Phượng Vàng, tổ 2 phường Nam Gia Nghĩa – tỉnh Lâm Đồng công khai trong trường học năm học 2023-2024 năm học 2024 – 2025 và dự kiến năm học 2025-2026 như sau:

1.Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2023)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
	Ngân sách Nhà nước giao năm 2023	Chi lương, các khoản đóng góp theo lương.	100%	4.415.700.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	100%	691.470.000
		Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		23.500.000

Công khai thực hiện dự toán thu - chi ngân sách nhà nước năm 2023

T	Nội dung	Dự toán thu năm 2023	Dự toán chi năm 2023
T			
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	5.418.107.458	5.418.107.458
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	5.340.102.000	5.340.102.000
	Tiền lương		2.323.773.176
	Lương hợp đồng (bảo vệ)		88.030.649
	Phụ cấp lương		1.655.485.175
	Các khoản đóng góp		635.082.000
	Phụ cấp tập thể		106.652.000

	Thanh toán dịch vụ công cộng		20.809.289
	Vật tư văn phòng		118.369.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		29.907.184
	Hội Nghị		648.000
	Công tác phí		21.340.000
	Chi phí thuê mướn		61.000.000
	Chi khác		50.447.000
	Chi sửa chữa thường xuyên TSCĐ		111.072.000
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		74.756.727
	Mua sắm tài sản vô hình		5.400.000
	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		37.330.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	78.005.458	78.005.458
	Chi tiền ăn		2.080.000
	Chi hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		1.950.000
	Mua sắm tài sản vô hình		2.500.000
	Chi tính gián biên chế		71.475.458

2.Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2024)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
	Ngân sách Nhà nước giao năm 2024	Chi lương, các khoản đóng góp theo lương.	100%	5.194.049.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	100%	524.804.000
		Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		142.730.000

Công khai dự toán thu - chi ngân sách năm 2024

T T	Nội dung	Dự toán thu năm 2024	Dự toán chi năm 2024
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.837.033.000	6.837.033.000
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	6.514.253.000	6.514.253.000
	Tiền lương		3.152.456.000
	Lương hợp đồng (bảo vệ)		44.030.000
	Phụ cấp lương		2.046.386.000
	Các khoản đóng góp		844.658.000
	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		123.792.000
	Chi khác		31.709.000
	Thanh toán dịch vụ công cộng		19.189.000
	Vật tư văn phòng		43.192.000
	Chi mua sắm tài sản vô hình		9.000.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		19.215.000
	Công tác phí		7.320.000
	Hội nghị		3.300.000
3	Chi phí thuê mướn		22.500.000
	Sửa chữa, duy trì tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình hạ tầng		86.129.000
	Mua sắm tài sản phục vụ chuyên môn		61.377.000

AM G
TR
MÃ
HOA
Q N 8

2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	322.780.000	322.780.000
	Chi lương và các khoản đóng góp theo lương đối với hợp đồng giáo viên NĐ111		98.282.400
	Chi tiền Tết Nguyên Đán		20.500.000
cca	Các khoản đóng góp		19.098.600
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn		
	Mua sắm vô hình		
	Tiền thưởng		179.319.000
	Tiền ăn		2.880.000
	Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên		2.700.000

3.Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2025)

STT	Nguồn quỹ	Nội dung chi	Tỉ lệ chi %	Số tiền
	Ngân sách Nhà nước giao năm 2025	Chi lương, các khoản đóng góp theo lương.	100%	6.884.702.000
		Chi thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	100%	590.040.000
		Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		170.835.000

Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm năm 2025

T	Nội dung	Dự toán thu năm 2025	Dự toán chi 6 tháng đầu năm 2025
1	2	3	4
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.729.2770.000	
	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp	83.700.000	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.645.577.000	2.445.661.000
	Tiền lương		1.198.196.000
	Lương hợp đồng (bảo vệ)		14.677.000
	Phụ cấp lương		789.154.000
	Các khoản đóng góp		316.147.000

	Tiền thưởng		
	Phúc lợi tập thể		
	Chi khác		63.153.000
	Thanh toán tiền điện		17.754.000
	Vật tư văn phòng		4.799.000
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		3.613.000
	Tuyên truyền quảng cáo		
	Công tác phí		1.500.000
	Chi phí thuê mướn		3.500.000
	Chi vệ sinh, môi trường,		
Khoản	Khoản phương tiện theo chế độ		
	Mua văn phòng phẩm		3.000.000
	Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		1.980.000
	Sửa chữa đường điện, đường nước		18.338.000
	Chi bảo hiểm tài sản		1.100.000
	Chi các khoản khác		8.750.000
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	170.835.000	48.648.000
	Tiền lương hợp đồng 111		41.424.000
	Các khoản đóng góp		7.224.000
	Các khoản chi khác		

4. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

*** Công khai thu – chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2023- 2024**

STT	Nội dung	Tồn năm học 2022 - 2023	Thu - chi năm học 2023-2024		
			Đã thu	Đã chi	TỒN
1	Quỹ thuê người		1.123.449.800	1.123.449.800	0

	nấu ăn, chăm sóc giác ngủ	0			
2	Quỹ ghế ngồi	0	4.900.000	4.900.000	0
3	Quỹ trang bị đầu cấp, trang bị hàng năm	11.005.000	70.769.000	81.774.000	0
4	Quỹ trang thiết bị cá nhân cho trẻ	0	17.610.000	17.610.000	0
5	Tiền nước uống học sinh	0	41.955.000	41.955.000	0
6	Tiền thuê dọn vệ sinh	0	52.316.000	49.630.000	2.686.000

*** Công khai thu – chi các khoản ngoài ngân sách năm học 2024- 2025**

STT	Nội dung	Tồn năm học 2023 - 2024	Thu - chi năm học 2024-2025		
			Đã thu	Đã chi	TỒN
1	Quỹ thuê người nấu ăn, chăm sóc giác ngủ	0	1.241.530.000	1.241.530.000	0
3	Quỹ trang bị đầu cấp, trang bị hàng năm	0	52.360.000	52.360.000	0
6	Tiền thuê dọn vệ sinh	2.686.000	50.070.00	52.756.000	0

***/ Công khai dự kiến thu các khoản ngoài ngân sách năm học 2025-2026**

STT	KHOẢN THU	Khối mầm	Khối chồi	Khối lá	Ghi chú
1	Các khoản thu dịch vụ Theo Nghị quyết 385/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 Quy định danh mục các khoản thu cơ chế quản lý thu – chi đối với dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.				
1.1	Thu tiền ăn: 24.000đ/em/ngày	24.000/hs/ngày	24.000/hs/ngày	24.000/hs/ngày	

1.2	Dịch vụ chăm sóc bán trú: Thuê người nấu ăn, chi phí tổ chức quản lý bán trú, hỗ trợ trực giờ nghỉ trưa	255.000/hs/tháng	255.000/hs/tháng	255.000/hs/tháng	
1.3	Dịch vụ phục vụ tổ chức nấu ăn bán trú	45.000/hs/tháng	45.000/hs/tháng	45.000/hs/tháng	
1.4	Dịch vụ tăng cường cho việc vệ sinh cá nhân đối với trẻ mầm non. Vệ sinh sân trường và khu vực vệ sinh của học sinh	40.000/hs/tháng	40.000/hs/tháng	40.000/hs/tháng	
3	Các khoản thu theo thỏa thuận				
3.1	Quỹ Bại đại diện cha mẹ học sinh lớp (Trên tinh thần đóng góp tự nguyện của phụ huynh học sinh: quỹ lớp)	Không thu	Không thu	Không thu	Không thu
3.2	Quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh trường (Trích từ quỹ ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp)	Không thu	Không thu	Không thu	Không thu

5. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập ; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo, trong năm học kỳ I năm học 2025-2026 nhà trường chỉ cho 1 em học sinh khuyết tật hưởng chế độ chi phí học tập theo Nghị Định 81/2021/NĐ-CP, chế độ ăn trưa theo Nghị Định 105/2020/NĐ-CP.

6. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Công khai số dư quỹ tiền mặt và tiền gửi tại kho bạc, ngân hàng đến ngày 30/08/2025

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
II	Số dư tiền gửi kho bạc	Đồng	0	
III	Số dư tiền gửi tại ngân hàng BIDV	Đồng	0	
IV	Số dư tiền gửi tại ngân hàng viettinbank	Đồng	0	

7. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

Trên đây là công khai trong trường học của trường mầm non Hoa Phượng Vàng tổ 2 phường Nam Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng đầu năm học 2025-2026./.

Nơi nhận:

- Phòng VH&XH (b/c);
- Đăng trên trang Web trường;
- Lưu VT



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Nguyên